

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS – ST
Ngày 25/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH PHÚ THỌ**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Hà Giang.

- Th- ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Côn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Huyện T- Tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện VKSND Huyện T- tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018. Vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn. □ối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Đức H**; Tên gọi khác: không;
Sinh ngày 25 tháng 01 năm 1980, tại Huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Nơi cư trú: Khu M, xã M, Huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể: Đảng viên (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số:18/QĐ/UBKTHU); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Xuân H và bà Lưu Thị X (Đã chết); Vợ: Phùng Thị H; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; Hiện bố, vợ và con đều ở tại xã M, Huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: không.
Nhân thân: (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã bị xử lý kỷ luật*): không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03 (ba) ngày từ ngày 18/9/2018 đến ngày 20/9/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Văn T**; Tên gọi khác: không;
Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1976, tại Huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;
Hộ khẩu thường trú: xã Y, Huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;
Tạm trú: Khu M, xã M, Huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 06/12; Đoàn thể: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn L (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T, hiện ở xã Y, Huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Vợ: Đoàn Thu Phương; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004; Hiện vợ và con đều ở tại xã M, Huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: (*án tích, đã bị xử lý kỷ luật*): không; *đã bị xử phạt vi phạm hành chính* Tại quyết định số 19 ngày 26/01/2016, Công an Huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Đánh bạc T đã nộp tiền vào ngày 02/02/2016. Theo quy định tại điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính xác định T được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03 (ba) ngày từ ngày 18/9/2018 đến ngày 20/9/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/9/2018, Trần Đức H đi xe mô tô biển kiểm soát: 19D1-00223 đến nhà ở của Lê Văn T chơi. Đến nơi H và T ngồi uống nước, nói chuyện. trong lúc nói chuyện H rủ T đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Sâm”. T đồng ý và đi mua bài tú lơ khơ để đánh bạc. T lấy một chiếu cói đôi của gia đình trải xuống nền nhà trong phòng ngủ của T để cả hai cùng đánh bạc. Khi đánh bạc T và H quy định với nhau về hình thức chơi và cách thức thanh toán bằng tiền mặt cụ thể như sau: Hình thức đánh bạc là chơi “Sâm” dùng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài thứ tự từ nhỏ đến lớn là 3,4,5,6,7,8,9,10,J,Q,K,A, 2 không phân biệt rô, cơ, bích, tép. Khi chơi người chia bài cho mỗi người 10 quân bài, sau đó người chia bài được đánh trước sẽ hỏi người còn lại có báo “Sâm” hay không, nếu không sẽ bắt đầu đánh bài, người còn lại đánh chặn, không được đánh 2 sau cùng, ai đánh hết bài trước là thắng. Hết ván người thắng thu tiền của người còn lại. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt, mỗi quân bài còn lại tương ứng với 10.000 đồng. Nếu có người đánh hết bài (người thắng) mà có người chưa đánh được quân bài nào thì gọi là “Treo” và mất 200.000đ cho người thắng. Nếu người thắng có bài “Sâm” (nghĩa là khi đánh không ai chặn được quân nào) thì thu của người thua 300.000đ. Trong ván đó, ai thắng thu tiền của người còn lại và tiếp tục được chia bài. Khi tham gia đánh bạc, H khai có hơn 5.000.000đ, T khai có 5.000.000đ. Toàn bộ số tiền được H và T để trên chiếu dùng vào việc đánh bạc. Khi H và T đánh bạc được một lúc thì có anh Trương Văn N, đến chơi và ngồi ở trên giường xem H và T đánh bạc, không tham gia vào việc đánh bạc. Xem được một lúc anh N nằm ngủ trên giường. H và T vẫn tiếp tục đánh bạc. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày; Tổ công tác – Công an Huyện T kiểm tra bắt quả tang và thu giữ

vật chứng trên chiếu bạc gồm: 10.070.000đ; 52 quân bài tú lơ khơ và thu 01 chiếu cói đôi đã cũ.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình như đã nêu trên. Khi tham gia đánh bạc các đối tượng khai số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau:

H khai có hơn 5.000.000 đồng, T khai có 5.000.000 đồng, là tiền để đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng khai dùng vào đánh bạc và bị thu giữ là 10.070.000 đồng.

b) Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với Trương Văn N, không tham gia đánh bạc, không cho vay mượn, cầm cố tài sản cho các đối tượng đánh bạc, hành vi đánh bạc của H và T phạm vào khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện T không đề cập xử lý đối với Trương Văn N về hành vi không tố giác tội phạm là phù hợp.

c) Về trích dẫn quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát:

Tại quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ – VKS ngày 12/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các Bị cáo Trần Đức H, Lê Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Thẩm phán xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1, Điều 321, Điều 65 , điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

xử phạt: Bị cáo Trần Đức H, Lê Văn T mỗi bị cáo tù 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đức H, Lê Văn T cho ủy ban nhân dân xã M, Huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Đức H, Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo Trần Đức H, Lê Văn T.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý về vật chứng như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.070.000đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu cói đôi đã qua sử dụng và 52 quân bài Tú lơ khơ.

Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 19 D1-002.23, nhãn hiệu YAMAHA Jupiter màu đỏ đen đã qua sử dụng, 01

điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNGDUOS, màu ghi, có ốp nhựa mặt sau màu đen đã qua sử dụng cho Bị cáo Trần Đức H để sở hữu theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 28/9/2018 là hợp pháp.

Về án phí: □p dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung Quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Các Bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các Bị cáo đều thể hiện sự ăn năn, hối cải, và đề nghị Hội đồng xét xử cho các Bị cáo được hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt và cho được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội rèn luyện sửa chữa lỗi lầm để trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Huyện T, tỉnh Phú Thọ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay Bị cáo Trần Đức H và Lê Văn T đều khai nhận khoảng thời gian từ 12 giờ 30 phút đến 15 giờ 30 phút ngày 18/9/2018 tại nhà riêng của Lê Văn T, ở khu M, xã M, Huyện T, tỉnh Phú Thọ; H cùng T đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Sâm”, phương thức thanh toán bằng tiền mặt, cách thức chơi, thanh toán như nội dung các bị cáo đã khai ở phần [a] Nội dung vụ án.

Xét lời nhận tội của các Bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận các Bị cáo: Trần Đức H và Lê Văn T phạm tội “Đánh bạc”. Được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự quy định: *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000*

đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Đối với Trương Văn N, không tham gia đánh bạc, không cho vay mượn, cầm cố tài sản cho các đối tượng đánh bạc, hành vi đánh bạc của H và T thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện T không đề cập xử lý đối với Trương Văn N về hành vi không tố giác tội phạm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cờ bạc là tệ nạn của xã hội, tr-ớc kia cũng nh- hiện nay nhà n-ớc ta đã, đang loại trừ tệ nạn này, hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự an ninh xã hội đồng thời gây d- luận xấu trong nhân dân. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải đ- ợc xử lý nghiêm minh tr-ớc pháp luật, có nh- vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xong tr-ớc khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng Bị cáo tr-ớc khi phạm tội để áp dụng hình phạt t- ơng xứng với hành vi phạm tội của các Bị cáo đã gây ra.

Đối với Bị cáo Trần Đức H và Lê Văn T tr-ớc khi phạm tội ch- a có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội các Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy mỗi bị cáo đều đ- ợc h- ớng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo T trước khi phạm tội lần này năm 2016 bị cáo đã bị Công an Huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc bằng hình thức phạt tiền T đã nộp tiền vào ngày 02/02/2016. Theo quy định tại điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính xác định T được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Các Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các Bị cáo thì thấy các Bị cáo H, T đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có bị cáo nào phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội gia đình các Bị cáo có đơn xin bảo lãnh, các Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy lần phạm tội này không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt để các Bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và địa phương một thời gian cũng đủ điều kiện giúp các bị cáo cải tạo thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các Bị cáo: Trần Đức H và Lê văn T xử phạt từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự thì "Ng- ời phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

Qua xác minh về tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra công an Huyện T ngày 26, 28/9/2018 thì thấy gia đình các Bị cáo không có tài sản gì có giá trị trong gia đình. Vì vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo là phù hợp thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ của các Bị cáo Trần Đức H và Lê Văn T. Tổng số tiền là 10.070.000 đồng; 01 chiếc Chiếc cối đôi cũ đã qua sử dụng, 52 quân bài Tú lơ khơ cũ đã qua sử dụng và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 19 D1-002.23, nhãn hiệu YAMAHA Jupiter màu đỏ đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNGDUOS, màu ghi, có ốp nhựa mặt sau màu đen đã qua sử dụng của Trần Đức H.

Xét thấy số tiền 10.070.000 đồng thu giữ của của các Bị cáo là vật chứng cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với 01 chiếc Chiếc cối đôi cũ đã qua sử dụng và 52 quân bài Tú lơ khơ cũ đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng nay cần tịch thu để tiêu hủy.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 19 D1-002.23, nhãn hiệu YAMAHA Jupiter màu đỏ đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNGDUOS, màu ghi, có ốp nhựa mặt sau màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Trần Đức H quá trình điều tra xác định số tài sản này không có liên quan gì đến việc phạm tội của bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an Huyện T đã trả lại cho Trần Đức H sở hữu theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 28/9/2018 là hợp pháp cần được xác nhận.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

a) Tuyên bố các Bị cáo: Trần Đức H và Lê Văn T phạm tội: "Đánh bạc".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 65; điểm i, s khoản 1 điều 51; điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; điểm d khoản 1 Điều 125; khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban th- ờng vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

b) Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Xử phạt: Trần Đức H và Lê Văn T mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đức H, Lê Văn T cho ủy ban nhân dân xã M, Huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thi hành án hình sự và chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo Trần Đức H, Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú do cơ quan cảnh sát điều tra công an Huyện T, tỉnh Phú Thọ áp dụng đối với Lê Văn T tại Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 36 ngày 20/9/2018 và áp dụng đối với Trần Đức H tại Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 37 ngày 20/9/2018.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo Trần Đức H, Lê Văn T.

c) Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.070.000đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc cối đôi đã qua sử dụng và 52 quân bài Tú lơ khơ.

Số vật chứng trên đã được cơ quan cảnh sát điều tra công an Huyện T bàn giao cho chi cục thi hành án dân sự Huyện T theo Biên bản ngày 15/10/2018.

Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 19 D1-002.23, nhãn hiệu YAMAHA Jupiter màu đỏ đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNGDUOS, màu ghi, có ốp nhựa mặt sau màu đen đã qua sử dụng cho Bị cáo Trần Đức H để sở hữu theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 28/9/2018 là hợp pháp.

d) Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Đức H và Lê Văn T mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

đ) Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các Bị cáo, đ-ợc quyền kháng cáo lên toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Tòa án ND tỉnh ;
- VKSND tỉnh, Hện ;
- Sở t- pháp tỉnh;
- Ủy ban kiểm tra Hện ủy T;
- THA (dân sự + hình sự);
- Công an Hện ;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- L- u: HS - VP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hà Giang